TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/7/2023
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Oanh

2. Bà Hoàng Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quý - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2022/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023; Quyết định thay thế thành viên những người tiến hành tố tụng số: 66/QĐ-TA ngày 03/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn Chị Trương Thị H, sinh năm 1992

ĐKHKTT: Đội 3 Phố Đ, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Phố N, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Văn S, sinh năm 1992

ĐKHKTT: Đội 3, phố Đ, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2022, bản tự khai cũng như tại phiên tòa chị Trương Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn S kết hôn với nhau năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

(nay là UBND phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau, thường xảy ra va chạm chửi bới nhau, mâu thuẫn đã được hai bên dàn xếp nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị và anh S đã sống ly thân từ tháng 12/2020 đến nay và chị H đã cùng cháu Lê Trương Gia K đã chuyển ra ngoài ở riêng không ai quan tâm trách nhiệm đến ai,

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung, cháu Lê Trương Gia B, sinh ngày 28/10/2015; cháu Lê Trương Gia K, sinh ngày 05/6/2019. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu Lê Trương Gia K cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trương Gia B, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Lê Văn S trình bày:

Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc chị Trương Thị H có đơn ly hôn anh, anh cũng thừa nhận anh và chị Hiền kết hôn năm 2014, quá trình chung sống có phát sinh mâu thẫn, nguyên nhân chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, vợ chồng có thể bỏ qua để cùng nhau nuôi dạy con cái và anh mong muốn chị H rút đơn khởi kiện ly hôn để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, quyết định thay đổi thành viên những người tiến hành tố tụng nhưng anh Sơn không có mặt.

Cung cấp của chính quyền địa phương cho thấy quá trình anh S và chị H sinh sống tại địa phương có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách của hai người không hợp thường xuyên đánh chửi nhau, từ cuối năm 2021 chị H đã cùng cháu K đi ở nơi khác anh S và cháu B ở tại Đội 3 phố Đ, phường Q, thành phố T, nay anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định Pháp luật.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giao cháu Lê Trương Gia K sinh ngày 05/6/2019 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Lê Trương Gia B, sinh ngày 28/10/2015 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án; thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS để

xét xử. Về yêu cầu khởi kiện: đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lê Văn S có địa chỉ tại thành phố T, nên Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Sơn hợp lệ nhưng anh S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Thị H và anh Lê Văn S kết hôn với nhau năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H thấy rằng: Sau khi kết hôn chị H và anh S chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Qúa trình giải quyết vụ án, cả chị H và anh S đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Tại các chứng cứ phản ánh trong hồ sơ thể hiện vợ chồng đã có mâu thuẫn trầm trọng và đã ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, trong bản tự khai anh S mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ, nhưng kể từ sau ngày Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành hòa giải đến nay, anh S không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Tòa án đã tống đạt hợp lệ phiên hòa giải 2 lần cho anh S nhưng anh S vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy nguyện vọng xin đoàn tụ của anh S là không chính đáng. Mặt khác từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay anh cũng không có trách nhiệm gì đối với mẹ con chị H và cháu Trương Gia K. Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh, trong quá trình chung sống anh S và chị H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính cách của anh chị không hòa hợp nên thường xảy ra va chạm đánh chửi nhau và chị H đã đi nơi khác ở. Xét mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài và trầm trọng, việc xin đoàn tụ của anh S là không có cơ sở nên xử cho chị H được ly hôn với anh S là phù hợp với khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia định.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị H và anh Lê Văn S có 02 con chung, cháu Trương Gia B, sinh ngày 28/10/2015 và cháu Trương Gia K, sinh ngày 05/6/2019. Ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao cháu B cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị H về việc người trực tiếp nuôi con chung là phù hợp, bởi lẽ từ

khi vợ chồng anh chị sống ly thân chị H đã đưa cháu K đi nơi khác ở cùng với chị, anh S nuôi cháu B, nguyện vọng của cháu B xin được ở với anh S, do đó căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Lê Trương Gia B cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Trương Gia K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị H, anh S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị H được ly hôn anh Lê Văn S.

Về con chung**:** Công nhận cháu Lê Trương Gia B, sinh ngày 28/10/2015 và cháu Lê Trương Gia K, sinh ngày 05/6/2019 là con chung của chị Trương Thị H và anh Lê Văn S. Giao cháu Lê Trương Gia B cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Trương Gia K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh S chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H, anh S có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Án phí: Chị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002663 ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T (chị H đã nộp đủ tiền án phí).

Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA DS TP.Thanh Hoá;
- UBND phường Quảng Đ, TP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thanh Hóa;
- Lưu HS.

Lê Thị Hoa